

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v tranh chấp ly hôn.

NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Về con chung: Ông tự nguyện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Lê Văn H, sinh ngày 11/11/2017 đến tuổi trưởng thành. Ông không yêu cầu bà Ch cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung với bà Ch.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã chấp hành đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, công khai đảm bảo quyền lợi hợp pháp. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Lê Văn T; về con chung: Đề nghị giao con chung Lê Văn H, sinh ngày 11/11/2017 cho ông Lê Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; ông T không yêu cầu bà Ch cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung với bà Ch nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ch đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Văn T yêu cầu giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Ch hiện cư trú tại: Thôn Lạc Ninh, xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Thọ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 18/11/2019 vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của ông Lê Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, giữa vợ chồng có sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, tuy nhiên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà Ch không hạnh phúc do ông T đi

làm bên ngoài thường xuyên, không dành nhiều thời gian cho gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, vợ ông có người đàn ông khác ở bên ngoài. Ông T khẳng định không còn tình cảm với bà Ch nên xin ly hôn. Mặt khác, trong suốt quá trình tố tụng, bà Ch cố tình vắng mặt không đến Tòa, điều này đủ cơ sở xác định bà Ch không còn quan tâm đến ông T. Như vậy, đời sống chung của ông T, bà Ch không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của ông T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Theo tài liệu giấy khai sinh và lời khai của ông T thì có một con chung là Lê Văn H, sinh ngày 11/11/2017, ông T tự nguyện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cũng như bảo đảm sự phát triển toàn diện và cuộc sống ổn định cho con chung, Hội đồng xét xử xét nên giao con chung cho ông T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Lê Văn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung với bà Ch nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Ông T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T.

1.1. Về hôn nhân: Ông Lê Văn T được ly hôn bà Nguyễn Thị Ch.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Văn H, sinh ngày 11/11/2017 cho ông Lê Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Bà Nguyễn Thị Ch có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Quy định chung: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Ông Lê Văn T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004513 ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Ông T đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa;
- GCNKH số: 90 ngày 18/11/2019;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quốc Thịnh